

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 74/2021/TLST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

\* *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị B**, sinh năm 1973  
Địa chỉ: Tổ 17, phường H, thành phố T, tỉnh T

\* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Công V**, sinh năm 1956  
và bà **Đoàn Thị H**, sinh năm 1959  
ĐKKHKT: Tổ dân phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh T.  
Nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:**

\* Về trách nhiệm thanh toán nợ:

- Ông Nguyễn Công V có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị B tổng số tiền là **52.000.000 (Năm mươi hai triệu đồng)**.

- Bà Đoàn Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị B tổng số tiền là **145.000.000** (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

**\* Về án phí:**

- Chị Bùi Thị B phải chịu án phí có giá ngạch của vụ án số tiền là 2.462.500 đồng (Hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.875.000đ (Bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000996 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị B số tiền chênh lệch là 2.412.500đ (Hai triệu bốn trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

- Ông Nguyễn Công V và bà Đoàn Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

**THẨM PHÁN**

**Đào Thị Thu Thủy**

